

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG
SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BCTN-YBM

Yên Bái, ngày 20 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Thường niên năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5200824701
- Vốn điều lệ: 142.998.800.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 142.998.800.000 VNĐ
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Phú, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Số điện thoại: 02163.511.222
- Số Fax: 021 6629 8666
- Website: <https://ybm.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): YBM

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

Ngày tháng	Mốc phát triển quan trọng
10/2015	Chính thức thành lập, hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với vốn điều lệ 35 tỷ đồng
10/2015	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 về dự án đầu tư: “DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 38.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 45.000 tấn/năm.
10/2015	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ với công suất 45.000 tấn/năm.
01/2016	Công ty chính thức đưa Nhà máy sản xuất bột đá CaCO ₃ tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái đi vào hoạt động với sản lượng 45.000 tấn/năm. Sản phẩm được các đối tác trong và ngoài nước đón nhận.
7/2016	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 2 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 53.800 m ² , công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO ₃ 80.000 tấn/năm.
8/2016	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 2 đưa 03 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động.
4/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần 3 về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO ₃ ” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 64.596,8 m ² , công suất bột đá CaCO ₃ 250.000 tấn/năm.
4/2017	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 100 tỷ với mục đích đầu tư mua lại cổ phần, vốn góp 2 công ty, thanh toán gốc và lãi vay, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản và bổ sung vốn lưu động.

5/2017	Mua lại cổ phần, vốn góp của 2 công ty: Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái và Công ty TNHH Talc Việt Nam sở hữu 2 mỏ khoáng sản là đá hoa và quặng Talc là 2 nguyên vật liệu chính đầu vào của sản phẩm công ty sản xuất.
6/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 lần đầu về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO3” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 44.000 m2, công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO3 105.000 tấn/năm.
11/2017	Công ty được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp thêm Giấy chứng nhận đầu tư số 0558173156 thay đổi lần thứ nhất về dự án đầu tư: “NHÀ MÁY SẢN XUẤT HẠT NHỰA TAICAL VÀ BỘT ĐÁ CaCO3” tại KCN phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái với diện tích đất 48.136,4 m2, công suất hạt nhựa taical: 99.000 tấn/năm, bột đá CaCO3 105.000 tấn/năm.
5/2018	Công ty tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 129.999.380.000 đồng.
8/2018	Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
11/2018	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy 03,04 đưa 06 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO3 đi vào hoạt động
11/2019	Công ty tăng vốn điều lệ từ 129.999.380.000 đồng lên 142.998.800.000 đồng.
T12/2021	Công ty đã đầu tư thiết bị máy móc và nâng tổng số 18 dây chuyền siêu mịn và 4 dây chuyền tráng phủ, công suất có thể đạt 600.000 tấn/năm.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: - Bán buôn hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCO3) - Bán buôn quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh - Bán buôn thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO)	4690 (Chính)
2	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

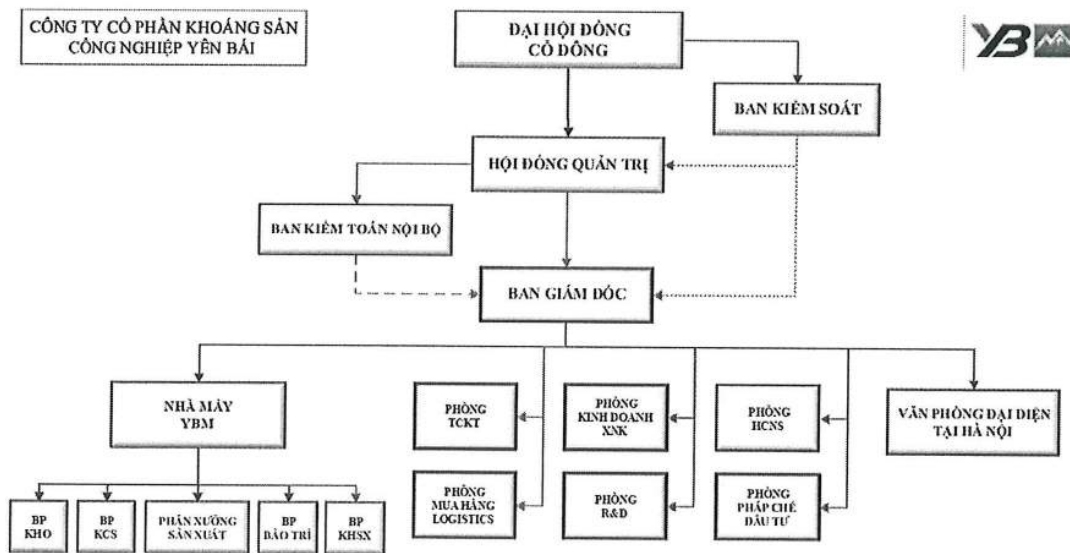
	Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	
4	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
5	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Khai thác đá thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO) - Khai thác quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh	899
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: - Sản xuất hạt nhựa TaiCal và bột đá Cacbonat Canxi (CaCo3) - Chế biến quặng Talc, dolomit, sắt, đá vôi trắng, cao lanh - Chế biến thạch anh, đá xây dựng, magie ooxit (MgO)	990
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Đại lý tàu biển - Dịch vụ vận tải đa phương thức	5229
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh kho bãi - Cho thuê đất, kho bãi, nhà xưởng và văn phòng	6810
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn phân bón	4669
12	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

- Địa bàn kinh doanh: Công ty nhận được sự tin dùng cũng như nhiều sự khen ngợi của khách hàng thị trường trong nước và phát triển kênh bán hàng rộng rãi tới nhiều thị trường quốc tế như Đức, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Bangladesh, Trung Quốc, Indonexia....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của Công ty hoạt động theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 bao gồm : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quan lý như sau :



Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Talc Việt Nam có trụ sở chính tại 136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác quặng Talc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty con này là 99% (số đầu năm là 99%).

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thông qua mở rộng các mảng kinh doanh đặc biệt là kinh doanh thương mại, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến, tiết kiệm chi phí.
- Tạo công ăn việc làm, duy trì quyền làm chủ của người lao động trong Công ty.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, giữ vững niềm tin với khách hàng.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo duy trì và ngày càng tăng lợi tức cho các cổ đông.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

4.2.1 Về phát triển kinh doanh

Trong thời gian trước mắt cũng như về lâu dài, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện những chiến lược phát triển đã vạch ra:

- Phát triển và nâng cao năng lực của Công ty;
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;
- Huy động, tăng vốn Điều lệ nâng cao khả năng đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu truyền thống, đồng thời mở rộng và phát triển thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới có nhiều tiềm năng.
- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;
- Tăng cường công tác quản lý các mặt, đặc biệt là quản lý chi phí, quản lý nợ và đổi mới chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

4.2.2 Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.

Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).

Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.

Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

4.3 Các hoạt động khác

Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị.

Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...

Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái nói riêng. Do vậy, Công ty cần phải xem xét sự tác động từ các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Tình hình kinh tế thế giới

Trái với dự kiến phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19, kinh tế toàn cầu năm 2022 đối mặt với hàng loạt những thách thức lớn, bao gồm sức ép lạm phát và kinh tế tăng trưởng chậm lại do tác động của các biến động kinh tế, địa - chính trị thế giới, như: xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, chính sách Zero-Covid của Trung Quốc và xu hướng thắt chặt tiền tệ ứng phó với lạm phát tăng cao.

Xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine gây ra nhiều hệ lụy tới kinh tế toàn cầu: Đây là yếu tố được nhắc đến nhiều nhất tới kinh tế toàn cầu năm 2022, là nguyên nhân gây ra việc tăng giá năng lượng và một số hàng hóa thiết yếu cùng với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng. Chiến sự tại Ukraine hiện đã diễn ra gần một năm và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Căng thẳng giữa phương Tây

đối với Nga cũng ngày càng gia tăng, với nhiều lệnh trừng phạt về kinh tế được các nước phương Tây áp đặt đối với Nga. Xung đột ngoài việc làm tăng mạnh chi phí sinh hoạt và hủy hoại sinh kế của người dân tại nhiều nước, còn dẫn đến một cuộc khủng hoảng năng lượng nghiêm trọng ở châu Âu. Giá khí đốt ở châu Âu đã tăng hơn 4 lần kể từ năm 2021, khi Nga cắt giảm lượng khí đốt giao hàng xuống dưới 20% so với mức năm 2021. Cuộc xung đột cũng đã đẩy giá lương thực trên thế giới lên cao, gây khó khăn nghiêm trọng, đặc biệt là ở các nước có thu nhập thấp.

Đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng: Mặc dù đã được kiểm soát ở phần lớn các nước, tác động của đại dịch vẫn đặc biệt nghiêm trọng ở Trung Quốc, dẫn tới sự suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế này trong quý II/2022 và góp phần làm chậm hoạt động toàn cầu. Chính sách kiểm soát dịch Covid-19 làm suy yếu cả sản xuất và tiêu dùng. Mức sử dụng năng lực sản xuất trong nước của Trung Quốc đã giảm xuống dưới 76% trong quý II - mức thấp nhất trong 5 năm. Sự gián đoạn chuỗi sản xuất ở Trung Quốc không chỉ tác động trong nước, mà còn lan rộng ra quốc tế, khi nhu cầu của Trung Quốc giảm làm giảm nhu cầu với hàng xuất khẩu của các nước khác, đồng thời cũng gây nên sự khan hiếm đầu vào khiến lạm phát tăng cao ở nhiều nước.

Lạm phát và giá cả hàng hóa tăng cao: Lạm phát toàn cầu tăng mạnh trong năm 2022. Xung đột tại Ukraine khiến giá dầu và giá cả hàng hóa toàn cầu tăng cao (Hình 1). Giá dầu thế giới đã duy trì mức trung bình trên 100 USD/thùng trong 5 tháng liên tiếp, từ tháng 4-7/2022. Giá lương thực tăng lên mức kỷ lục mới do gián đoạn xuất khẩu ngũ cốc và dầu ăn tại các cảng ở Biển Đen. Chỉ số giá lương thực của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) tăng lên mức đỉnh 159,3 điểm trong tháng 3/2022 so với 141,4 điểm vào tháng 2/2022, sau đó hạ xuống 154,2 điểm trong tháng 6/2023 và giảm dần trong các tháng sau đó, nhưng vẫn ở mức cao và góp phần làm tăng lạm phát trên diện rộng. Xung đột Nga - Ukraine còn đẩy giá nguyên liệu thô cho sản xuất tăng cao do Nga và Ukraine là những nước dẫn đầu về sản xuất kim loại toàn cầu, như: niken, đồng và sắt, cùng các nguyên liệu thiết yếu khác.

Xu hướng thắt chặt tiền tệ: Nhằm đối phó với tình trạng lạm phát leo thang, các quốc gia đã áp dụng thắt chặt tiền tệ mạnh hơn. Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã liên tục tăng lãi suất cơ bản với mức tăng cao hơn kế hoạch lúc đầu[1]. Ngày 14/12/2022, Fed đã nâng lãi suất tham chiếu thêm 50 điểm cơ bản, đánh dấu sự thay đổi của Fed sau một năm chưa từng có tiền lệ với 7 lần nâng lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát hiện cao nhất 40 năm. Tại châu Âu, lạm phát cao kỷ lục 8,1% đã khiến EU đưa ra một loạt động thái, bao gồm cả việc chấm dứt chương trình mua tài sản lâu dài của mình vào cuối tháng 12. Ngày 21/7/2022, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định tăng lãi suất lần đầu tiên sau 11 năm. Một số nền kinh tế chủ chốt khác cũng trong xu hướng

gia tăng thắt chặt tiền tệ, gồm: Ấn Độ, Hàn Quốc, Úc, Anh, Canada [2]. Trái lại, một số nền kinh tế lớn như Trung Quốc và Nhật Bản vẫn duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế trì trệ. Ngày 25/11/2022, Trung Quốc đã công bố giảm 25 điểm cơ bản đối với yêu cầu dự trữ của các tổ chức tài chính để hỗ trợ tăng trưởng. Việc cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc lần thứ hai trong năm dự kiến sẽ thúc đẩy niềm tin của thị trường và sức khỏe của nền kinh tế, củng cố lĩnh vực bất động sản và giải phóng thanh khoản cho đầu tư và tiêu dùng trong quý IV/2022, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong cả năm 2022 và 2023. Tương tự như vậy, Nhật Bản vẫn khẳng định sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ nền kinh tế.

Biến động thị trường tiền tệ: Do cắt giảm lãi suất quá nhanh với quy mô lớn và liên tục, tỷ giá các đồng tiền trên thế giới biến động mạnh trong năm 2022 so với đồng USD. Đồng USD tăng giá rất mạnh so với các ngoại tệ khác. Nguy cơ tổn thương lớn hơn của kinh tế EU và Nhật Bản trước tình trạng giá cả hàng hóa và năng lượng gia tăng cũng khiến cho hai đồng tiền này mất giá so với đồng USD. Ngày 13/7/2022, lần đầu tiên trong lịch sử, đồng EUR đã về mức ngang giá so với đồng USD, sau đó đã phục hồi dần và hiện ở mức 1,06 EUR/USD. Tỷ giá Yên/USD đã giảm xuống mức 146,86 Yên đổi một USD ngày 12/10/2022, vượt qua mốc thấp kỷ lục trước đó.

Thương mại hàng hóa toàn cầu suy giảm: Các dấu hiệu tăng trưởng chậm lại bắt đầu từ quý II/2022 với các chỉ số về đơn hàng và xuất khẩu giảm. IMF (2022) ước tính tăng trưởng thương mại toàn cầu sẽ chậm lại từ 10,1% năm 2021 xuống 4,3% năm 2022 và 2,5% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2019, khi các rào cản thương mại gia tăng đã hạn chế thương mại toàn cầu và trong cuộc khủng hoảng dịch Covid-19 năm 2020, nhưng thấp hơn nhiều so với mức trung bình trước đây (4,6% cho giai đoạn 2000-2021 và 5,4% cho giai đoạn 1970-2021). Tốc độ chậm lại chủ yếu phản ánh sự suy giảm trong tăng trưởng sản lượng toàn cầu.

Biến động dòng vốn đầu tư toàn cầu: Các điều kiện tài chính thắt chặt hơn và lo ngại về suy thoái toàn cầu đã ảnh hưởng tiêu cực tới đến dòng vốn đầu tư. Lãi suất của Mỹ tăng cùng với USD tăng giá mạnh đã làm tăng chi phí tài chính. Bên cạnh đó, các điều kiện tài chính thắt chặt và triển vọng kinh tế không chắc chắn làm giảm động lực của các nhà đầu tư. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu được dự báo sẽ giảm trong năm 2022. Dữ liệu của Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) cho thấy, trong quý II/2022, dòng vốn FDI toàn cầu đạt khoảng 357 tỷ USD, giảm 31% so với quý đầu tiên. Việc USD tăng giá cũng dẫn đến xu hướng dòng vốn đầu tư gián tiếp rút khỏi các thị trường đang nổi do sức hấp dẫn từ việc đầu tư để hưởng chênh lệch lãi suất ở các thị trường này sụt giảm mạnh. Từ tháng 3 đến tháng 6/2022, 30,1 tỷ USD

đã chảy ra khỏi thị trường chứng khoán của các thị trường đang nổi. Dữ liệu của Bloomberg cũng cho thấy, chỉ số chứng khoán MSCI châu Á - Thái Bình Dương (không bao gồm Nhật Bản) đã giảm 19% tính từ đầu năm 2022, sau khi giảm 4,9% vào năm 2021.

Tình hình kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2022. Sau đợt giãn cách xã hội do dịch COVID hồi quý III/2021, nền kinh tế bật tăng trở lại, tăng trưởng 5,2% trong quý IV/2021 và 6,4% trong nửa đầu năm 2022. Sự phục hồi này đạt được chủ yếu nhờ tăng trưởng vững chắc của xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo sang các thị trường xuất khẩu chính như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu và Trung Quốc. Sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu trong nước, đặc biệt là đối với dịch vụ, cũng đóng góp vào tăng trưởng. Biên giới quốc gia mở cửa trở lại vào tháng 3/2022 đang mang đến sự hồi sinh cho ngành du lịch.

GDP được dự báo sẽ tăng 7,5% trong năm 2022 và 6,7% trong năm 2023. Khu vực dịch vụ sẽ tiếp tục đà phục hồi mạnh mẽ khi người tiêu dùng tăng chi tiêu để thỏa mãn nhu cầu bị dồn nén, và lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam tăng mạnh vào mùa du lịch Thu 2022/Đông 2023. Tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo được kỳ vọng sẽ tiếp tục giữ vững, tuy có thể giảm tốc phần nào do Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu và Trung Quốc trải qua giai đoạn tăng trưởng chậm lại. Lạm phát được dự báo sẽ duy trì ở mức khoảng 4% trong năm 2022 và năm 2023.

Tuy nhiên, triển vọng kinh tế Việt Nam phải đối mặt với rủi ro tăng cao. Ở trong nước, thách thức bao gồm những khó khăn trong hoạt động kinh doanh tiếp tục hiện hữu ở một số ngành và tình trạng thiếu lao động. Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng đến sự phục hồi của tiêu dùng hộ dân cư, vốn rất mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2022. Đối với khu vực kinh tế đối ngoại, sự giảm tốc trầm trọng hơn so kỳ vọng của các đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam là rủi ro chính. Việc tiếp tục giãn cách xã hội để kiểm soát dịch COVID-19 ở Trung Quốc có thể khiến tình trạng gián đoạn chuỗi giá trị kéo dài hơn và ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam. Căng thẳng địa chính trị gia tăng đã làm tăng mức độ bất định và có thể gây ra những thay đổi trong xu hướng thương mại và đầu tư, ảnh hưởng đến nền kinh tế có độ mở cửa cao như Việt Nam.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán các bộ luật về Thuế và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán có hiệu lực phần nào cũng tác động đến các vấn đề về công bố thông tin và các quy định chặt chẽ hơn đối với Công ty niêm yết nói chung và YBM nói riêng. Công ty cũng đang tiến hành rà soát các hệ thống văn bản, điều lệ, quyết định hiện tại để phổ biến cho cán bộ nhân viên và thay đổi theo đúng quy định của pháp luật.

Để kịp thời dự báo, ứng phó cũng như giúp Công ty có sự chuẩn bị tốt nhất đối với những thay đổi trong chính sách về luật, YBM có bộ phận pháp lý trực thuộc Ban thư ký Hội Đồng Quản Trị thường xuyên theo dõi, cập nhật những biến động luật pháp để kịp thời tham mưu, tư vấn cho Ban lãnh đạo có thể tận dụng tối ưu những điều kiện pháp lý có lợi và giảm thiểu thiệt hại khi một chính sách bất lợi với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty được đưa ra.

5.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro đặc thù trong ngành bột đá Canxi Cacbonat (CaCO_3)

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí trong khai thác, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những quy định này đôi khi cũng gây những khó khăn cho các doanh nghiệp. Trước khi xin được giấy phép khai thác, doanh nghiệp phải thực hiện công tác điều tra, thăm dò địa chất để ra được báo cáo hàm lượng và trữ lượng của mỏ. Trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí nhất định đối với công tác làm địa chất. Thêm vào đó, yêu cầu về công nghệ khai thác cũng rất nghiêm ngặt, đầu tư chi phí ban đầu rất lớn. Một rủi ro khác mà doanh nghiệp phải đối mặt đó là, rủi ro trong trường hợp khâu thăm dò không phản ánh đúng thực tế (số lượng và chất lượng kém hơn thực tế). Công suất khai thác thực không đạt kế hoạch ước tính ban đầu sẽ đẩy chi phí thành phẩm lên cao, sản phẩm sẽ không cạnh tranh và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp

kế hoạch sản xuất của Công ty.

Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

b) Rủi ro đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh hạt nhựa

Số lượng công ty tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa lớn, cùng việc phân tán khiến gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành. Ngành nhựa là ngành phân tán nên không có công ty nào đủ khả năng chi phối các công ty còn lại.

Bên cạnh đó, giá nguyên liệu đầu vào phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá thế giới và chiếm 80% trong cơ cấu chi phí sản xuất, điều này khiến biên lợi nhuận của công ty dễ bị tác động khi có thay đổi yếu tố đầu vào. Để đảm bảo mức sinh lời, nhiệm vụ đặt ra cho các công ty nhựa là duy trì và gia tăng thị phần đầu ra, điều này tăng áp lực cạnh tranh trong ngành.

Ngoài ra, mức độ khác biệt giữa các sản phẩm nhựa trong nước không cao, khách hàng có thể dễ dàng chuyển đổi nhà cung ứng mà không phải chịu nhiều chi phí do các sản phẩm nhựa của các công ty có độ phủ rộng khắp cả nước.

VPA cho rằng, đối với các công ty nhựa vật liệu xây dựng, chi phí đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị lớn khiến các công ty nhóm này phải chạy đua về sản lượng tiêu thụ nhằm bù đắp lại phần chi phí cố định đã đầu tư.

Ngành nhựa bao bì vẫn tăng trưởng tuy nhiên gia tốc tăng trưởng đang chậm lại, số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng.

c) Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Những biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường có thể gây ảnh hưởng xấu đến các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Việc biến động giá có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như quy luật cung- cầu trên thị trường, tâm lý sợ hãi và tham lam của các nhà đầu tư, những thông tin không chắc chắn và những biến động giá từ thị trường quốc tế, hay do chính bản thân doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, thua lỗ... Những điều này có thể làm cho giá cổ phiếu của doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng, làm doanh nghiệp khó huy động vốn. Do đó, doanh nghiệp luôn hỗ trợ nhà đầu tư bằng việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời, nhằm giúp nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định đúng đắn nhất dựa trên kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.310.145.493
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	134.532.100
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.175.613.393
4	Giá vốn hàng bán	289.620.823.771
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.554.789.622
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.544.079.671
7	Chi phí tài chính	14.910.047.294
8	Chi phí bán hàng	106.025.941.780
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.664.271.702
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.498.608.517
11	Thu nhập khác	3.891.485
12	Chi phí khác	59.797.006
13	Lợi nhuận khác	-55.905.521
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.442.702.996
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.578.154.845
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.864.548.151

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% tăng, giảm
1	Sản lượng (tấn)	440.000	383.865	-12,75%
2	Doanh thu thuần (VND)	500.000.000000	429.175.613.393	-14,16%
3	Lợi nhuận trước thuế (VND)	19.000.000.000	12.442.702.996	-34,51%
4	Thuế TNDN (VND)	3.800.000.000	2.578.154.845	-32,15%
5	Lợi nhuận sau thuế (VND)	15.200.000.000	9.864.548.151	-35,10%
6	Tỷ suất LN/DT (%)	3,04	2,29	-24,39%
7	Thu nhập bình quân (triệuVND/người)	9	9.5	6%

2. Tổ chức và nhân Sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Hoàng Anh Quân	Giám đốc
3	Lê Hoàn	Phó Giám Đốc

• Ông Vũ Đức Hậu – Chủ tịch HĐQT Công ty

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1957
Quốc tịch	Việt Nam
Chỗ ở hiện tại	Tổ 4, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
CCCD	036057000294
Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm I – Hà Nội

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 01/08/2022)	Tổng: 105.938 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 105.938 cổ phiếu, chiếm 0,74% vốn điều lệ. <ul style="list-style-type: none"> Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	

• Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/02/1987
Nơi sinh	Thôn Đại Tự, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ dân phố số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
CCCD	026087004845
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Chức vụ hiện nay	Giám đốc- Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 01/08/2022)	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu

• Ông Lê Hoàn – Phó Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/09/1984
Nơi sinh	Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý, Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thịnh Hưng – Yên Bình – Yên Bái
Chỗ ở hiện tại	Thịnh Hưng – Yên Bình – Yên Bái
CCCD	015084004250
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa
Chức vụ hiện nay	Phó GD Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	Tổng 150.000 cổ phiếu, trong đó: Sở hữu cá nhân: 150.000 phiếu chiếm 1.05% Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Năm 2022, Công ty đã miễn nhiệm và bổ nhiệm các thành viên trong ban điều hành như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số QĐ/NĐ	Ngày Bổ nhiệm/Miễn nhiệm	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT	25.06/2022/QĐ-ĐHĐCĐ		25/06/2022
2	Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT	25.06/2022/QĐ-ĐHĐCĐ	25/06/2022	

Số lượng nhân viên, chính sách lao động

Tiêu chí	Giá trị
Số lượng nhân sự đến 31/12/2022	137 người
Thu nhập bình quân năm 2022	9.5 triệu / người/ tháng

- Chế độ làm việc:

Công ty luôn bố trí sắp xếp đủ việc làm cho người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo các quy định.

Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách đào tạo:

Do yêu cầu vận hành các dây chuyền kỹ thuật mới trong xây dựng nên vấn đề đào tạo và đào tạo lại được Công ty thực hiện thường xuyên và liên tục.

Trong công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Việc đào tạo thường được tiến hành tại Công ty, ngoài ra Công ty cũng cử cán bộ công nhân viên đi học nâng cao tại các trường đại học, các trung tâm hoặc tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, dài hạn để cập nhật kiến thức, thông tin mới.

- Chính sách lương thưởng và phúc lợi:

Công ty áp dụng phương án trả lương theo chức danh công việc, theo năng suất, mức khoán tùy theo vị trí công việc được giao, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, vị trí công việc nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao.

Tiếp tục duy trì thực hiện chế độ phụ cấp cho các chức danh và vị trí có yêu cầu đặc biệt để đảm bảo khuyến khích lao động gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty.

- Chính sách trợ cấp:

Trợ cấp khó khăn tùy theo mức độ;

Trợ cấp thôi việc theo Luật hiện hành và Công ty cũng trợ cấp thêm tiền ngoài Luật

- Các chính sách khác:

Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Công trình đang xây dựng	Giá trị quyết toán đến 31/12/2022 (Theo BCTC kiểm toán 2021)
Chi phí thăm dò mỏ TALC Mỹ Thuận	6.924.530.271 VND

b) Các công ty con, công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất	Vốn điều lệ (Tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của YBM (%)	Giá trị sở hữu của YBM (tỷ VNĐ)
Công ty TNHH TALC Việt Nam	136 Phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Khai thác quặng TALC	15	99	14.85

- Công ty vẫn đang thực hiện đầu tư 99% vào Công ty TNHH Talc Việt Nam, với thông tin dự án đầu tư chi tiết như sau:

+ Dự án Khai thác quặng Talc theo Giấy chứng nhận đầu tư số 18121000573 do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/3/2015

+ Tên Dự án: Dự án khai thác quặng Talc

+ Địa điểm thực hiện: Xã Mỹ Thuận, huyện Tân Sơn. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 26,6 ha (trong đó, khu vực khai thác: 19,31 ha; khu vực đổ thải: 6,54; khu văn phòng và phụ trợ: 0,86 ha)

+ Mục tiêu và quy mô của dự án: Khai thác, chế biến quặng Talc cung cấp cho thị trường trong nước để làm phụ gia sản xuất công nghiệp; Công suất khai thác đá nguyên khai 16.275 tấn/năm.

+ Tổng mức đầu tư: 40.581.658.000 đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm tám mươi một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng). Bằng 100% vốn tự có của doanh nghiệp và huy động hợp pháp khác.

+ Thời gian hoạt động: 30 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư

+ Sản phẩm khai thác: Là quặng Talc để sản xuất hạt nhựa Talcal (Là nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái).

+ Hiện tại đến hết năm 2022 Công ty đang chờ các chính sách mới của nhà nước tạo điều kiện thực hiện xây dựng cơ bản để đưa vào khai thác mỏ, do đó chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận từ Công ty.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ Indicators	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	VNĐ	436,236,915,531	410,549,061,155	-5,89%
Doanh thu thuần	VNĐ	493,420,945,594	429,175,613,393	-13,02%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	VNĐ	17,934,249,617	12,498,608,517	-30,31%
Lợi nhuận khác	VNĐ	-1,370,206,181	-55,905,521	-95,92%
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	16,564,043,436	12,442,702,996	-24,88%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	14,773,649,031	9,864,548,151	-33,23%
Tỷ lệ LN trả cổ tức	%	5	10	100%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,04 0,89	1,06 0,71	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản) + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,59 1,43	0,57 1,35	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài Sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	8,75 1,15	5,97 1,01	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	2,99% 8,24%	2,90% 8,70%	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,39%	3,03%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,63%	2,91%	

Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 cho thấy:

Năm 2022 do ảnh hưởng suy thoái kinh tế, tình trạng thiếu container rỗng, hệ thống logistics gặp nhiều khó khăn, cước biển tăng cao. Thời điểm Quý I-2022, cước biển tăng gấp 04 - 05 lần so với cùng kỳ năm 2021 nên tình hình xuất khẩu khó khăn. Mặt khác, ngân hàng điều chỉnh lãi suất tăng, khiến chi phí tài chính, chi phí bán hàng năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Về nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán vẫn trong mức an toàn: Hệ số thanh toán ngắn hạn là 1.06. Hệ số thanh toán nhanh 0,71.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 14.299.880 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.299.880 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 01/08/2022:

STT	Danh mục	Số lượng (Cổ đông)	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	1.030	14.273.464	142.734.640.000	99,82%
1	Cổ đông tổ chức	17	3.295.594	32.955.940.000	23,05%
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0	0

2	Cổ đông cá nhân	1.013	10.977.870	109.778.700.000	76,77%
II	Cổ đông nước ngoài	17	26.416	264.160.000	0,18%
1	Cổ đông tổ chức	5	5.535	55.350.000	0,04%
2	Cổ đông cá nhân	12	20.881	208.810.000	0,15%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng:	1.047	14.299.880	142.998.800.000	

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

a) Chi phí năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 54.467.201.897 VNĐ

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Chi phí sử dụng nước: 41.877.524 VNĐ

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước sử dụng là nước sinh hoạt không tái chế, tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan học tập sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty có 137 nhân viên đang làm việc. Thu nhập bình quân từ 9.5 triệu/người/tháng, luôn đảm bảo trả lương ngày 15 hàng tháng, không có tháng nào nợ lương, nợ bảo hiểm.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thời gian làm việc, nghỉ ngơi, ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ hàng năm, lễ, tết công ty đều thực hiện theo Luật lao động sao cho phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty. Các chế độ trợ cấp, thăm hỏi, ốm đau, thai sản, kết hôn... được thực hiện đầy đủ theo quy định của nhà nước.

Duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm và tặng quà sinh nhật cho toàn thể Cán bộ công nhân viên.

Thực hiện chi trả tháng lương thứ 13 cho người lao động, Thưởng các ngày lễ lớn và Tết nguyên đán.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa tiến hành

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	493.436.635.594	429,310,145,493	-13,00%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VNĐ	15.690.000	134,532,100	757%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	493.420.945.594	429,175,613,393	-13,02%
4	Giá vốn hàng bán	VNĐ	374.169.587.313	289,620,823,771	-22,06%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	119.251.358.281	139,554,789,622	17,03%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	VNĐ	828.376.648	2,544,079,671	207,12%
7	Chi phí tài chính	VNĐ	14.694.241.209	14,910,047,294	1,47%
8	Chi phí bán hàng	VNĐ	82.207.607.741	106,025,941,780	28,97%

9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VNĐ	5.243.636.362	8,664,271,702	65,23%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VNĐ	17.934.249.617	12,498,608,517	-30,31%
11	Thu nhập khác	VNĐ	101.556.447	3,891,485	-96,17%
12	Chi phí khác	VNĐ	1.471.762.628	59,797,006	-95,94%
13	Lợi nhuận khác	VNĐ	-1.370.206.181	-55,905,521	-95,92%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	VNĐ	16.564.043.436	12,442,702,996	-24,88%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VNĐ	1.790.394.405	2,578,154,845	44,00%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VNĐ	14.773.649.031	9,864,548,151	-33,23%

(Số liệu lấy theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán)

Năm 2022 do ảnh hưởng suy thoái kinh tế, tình trạng thiếu container rỗng, hệ thống logistics gặp nhiều khó khăn, cước biển tăng cao. Thời điểm Quý I-2022, cước biển tăng gấp 04 - 05 lần so với cùng kỳ năm 2021 nên tình hình xuất khẩu khó khăn. Mặt khác, ngân hàng điều chỉnh lãi suất tăng, khiến chi phí tài chính, chi phí bán hàng năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Chi phí tài chính tăng 215 triệu tương đương 1,47%.
- Chi phí bán hàng tăng 23.818 triệu tương đương 28,97%.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3.420 triệu tương đương 65,23%.
- Thu nhập khác giảm 97 triệu tương đương 96,17%
- Chi phí thuế TNDN tăng 787 triệu do thuế suất thuế TNDN không còn được miễn giảm so với năm 2021.

Cơ cấu doanh thu	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bột đá	341.434.644.649	69%	403.019.327.493	94%
+ Trong nước	270.865.954.758	55%	292.179.547.461	68%
+ Xuất khẩu	70.568.689.891	14%	110.839.780.032	26%
Doanh thu khác	152.001.990.945	31%	26.290.818.000	6%
Tổng	493.436.635.594	100%	429.310.145.493	100%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Công ty đã hoàn chỉnh đầy đủ và ban hành thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ các quy chế quản lý: Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý kinh tế kỹ thuật, quản lý tổ chức lao động, quản lý an toàn, bảo hộ lao động, quản lý thiết bị, quy chế giao khoán nội bộ, chế độ báo cáo thống kê, hình thành hệ thống quản trị đồng bộ, khép kín các quy chế quản lý đó, tạo ý thức chấp hành của toàn thể CBCNV đã đi vào nề nếp mang lại hiệu quả thiết thực.

Công ty không ngừng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh và công việc quản lý, các thiết bị cho công tác kiểm tra chất lượng. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ đi học, đào tạo nhân viên, tuyển dụng các kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm về làm việc để có thể sử dụng được thành thạo và hiệu quả các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động của Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	215.999.943.748	205,935,556,551
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.416.462.844	19,456,836,943
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	161.184.780.662	102,301,883,848
IV.	Hàng tồn kho	30.169.487.697	66,888,324,318
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	220.236.971.783	204,613,504,604
I.	Các khoản phải thu dài hạn	339.140.950	346,953,700

II.	Tài sản cố định	204.265.858.159	189,066,543,108
III.	Bất động sản đầu tư		
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	6.924.530.271	6,924,530,271
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	0	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	8.707.442.403	8,275,477,525
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	436.236.915.531	410,549,061,155

(Số liệu lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022)

Cơ cấu tài sản ngắn hạn	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	49.5%	50%	1,31%
Tiền/ Tài sản ngắn hạn	3%	9%	175,17%
Phải thu ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn	75%	50%	-33,43%
Hàng tồn kho/ Tài sản ngắn hạn	14%	32%	132,54%
Tài sản ngắn hạn khác/ Tài sản ngắn hạn	8%	8%	4,94%

Nhìn vào 2 bảng chỉ số trên, ta thấy quy mô tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2022 không có nhiều biến động so với năm 2021. Chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn giảm 25%, đồng thời chỉ tiêu Hàng tồn kho tăng mạnh tương đương 132.54% so với năm ngoái, chứng tỏ lực bán năm nay giảm đáng kể so với năm ngoái, thị trường khó khăn hơn

Năm 2022, Tài sản dài hạn không có biến động.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ giảm (%)
C	NỢ PHẢI TRẢ	256.855.908.676	235,603,386,149	-8,27%
I	Nợ ngắn hạn	208.282.663.790	194,494,101,528	-6,22%
II	Nợ dài hạn	48.573.244.886	41,109,284,621	-15,37%
D	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	179.381.006.855	174,945,675,006	-2,47%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	436.236.915.531	410,549,061,155	-5,89%

Công ty đã quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Công ty đã theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tinh gọn cơ cấu tổ chức, các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí.

Xây dựng các chính sách, phúc lợi, tăng lương cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Chiến lược phát triển nâng cao năng lực Công ty:

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu tổ chức của Công ty, nâng cao năng lực và vị thế cạnh tranh, phạm vi hoạt động và sản xuất đa dạng.

Củng cố và xây dựng bộ máy tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo Công ty gọn nhẹ nhưng thực sự tinh nhuệ, đủ mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng để đảm đương và hoàn thành các công việc thật sự chất lượng, hiệu quả.

4.2 Chiến lược phát triển trong sản xuất kinh doanh

Tiếp tục thực hiện đầu tư đạt hiệu quả vào các lĩnh vực có tính bền vững và tiềm năng lâu dài, cụ thể là: Sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃. Tiếp tục đầu tư máy móc, dây chuyền sản xuất mới, mở rộng nhà xưởng, nhà kho theo kế hoạch tăng trưởng về sản lượng của công ty trong tương lai.

Tăng cường tìm kiếm thêm thị trường quốc tế đặc biệt là thị trường Trung Quốc, và tiếp tục khai thác tập khách hàng còn lại tại thị trường nội địa để đẩy mạnh sản lượng bán.

Tìm kiếm các cơ hội đầu tư khai thác mỏ đá, cấp nguyên liệu đầu vào trực tiếp trong các năm tới.

4.3 Chiến lược đầu tư, đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao thu nhập CBCNV, có cơ chế ưu đãi khuyến khích động viên cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật khi phải đảm nhận nhiệm vụ, đảm đương các công việc có tính chất phức tạp và nặng tại các vùng khó khăn, yên tâm công tác.

Tạo điều kiện và môi trường làm việc để mỗi cá nhân có cơ hội tự phát triển, hoàn thiện, nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình.

Thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn để nâng cao chất lượng cán bộ, trình độ chuyên môn.

Hợp tác đào tạo hoặc gửi đi đào tạo khối công nhân kỹ thuật để có thể tiếp cận và vận hành các dây chuyền sản xuất mới, hiện đại.

Chiến lược huy động vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần:

Huy động nguồn vốn từ các cá nhân, tổ chức; phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để huy động bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án tiềm năng mà Công ty đang triển khai.

Công tác tài chính

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp. hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2022 và những năm tới.

Công tác tổ chức

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.

Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.

Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên Công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a. Công tác phát triển Công ty

- Hiện tại lĩnh vực chủ yếu của YBM là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃, đây là những lĩnh vực có nhiều triển vọng và phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà Nước. Trong những năm tới, Công ty đã đề ra chiến lược gia tăng sản xuất kinh doanh như phát triển nguồn nhân lực, huy động vốn, tiếp tục củng cố, kiện toàn cũng như mở rộng ngành nghề. Với định hướng này, Công ty có thể kết hợp sức mạnh truyền thống của mình trong lĩnh vực sản xuất bột đá CaCO₃ với sức mạnh cũng như thời cơ trong việc kinh doanh mảng thương mại hóa chất trong năm 2022 và những năm tới.

b. Công tác tài chính

- Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn Công ty với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- Năm 2022 Công ty thực hiện đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- Năm 2022 Công ty đã thuê Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

c. Công tác tổ chức.

- Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.

- Ban hành các Quy chế quản lý Công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị Công ty khoa học, hiệu quả.
 - Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.
- Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc đứng đầu là Giám đốc Công ty đã điều hành linh hoạt, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và là người đại diện trước pháp luật đã điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty, chỉ đạo các phòng ban rà soát, hoàn chỉnh quy chế và kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; Nắm bắt và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đã hoàn thành tương đối theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, thực hiện đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, công tác an sinh xã hội, nhân đạo, từ thiệnvà có kế hoạch chuẩn bị nguồn cho kế hoạch trả cổ tức trong những năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	105.938	0.74%
2	Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

(Tính đến thời điểm ngày 01 tháng 08 năm 2022)

(b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ gồm có 3 thành viên, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ theo Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.

Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.

Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

HĐQT đã chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với Ban Giám đốc và không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty và các cán bộ quản lý.

- Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Vũ Đức Hậu	7	100%	
2	Ông Hoàng Anh Quân	7	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	2	28%	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh	5	72%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	4.4/2022/QĐ-HĐQT	04/04/2022	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%

2	220510/NQ-HĐQT	22/05/2022	Triệu tập ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
3	220630/NQ-HĐQT	30/06/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022	100%
4	220708/NQ-HĐQT	08/07/2022	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2021	100%
5	220730/NQ-HĐQT	30/07/2022	Nghị quyết chấp thuận giao dịch mua bán giữa các bên liên quan	100%
6	220811/NQ-HĐQT	11/08/2022	Nghị quyết chấp thuận giao dịch giữa các bên liên quan	100%
7	20221107/NQ-HĐQT	07/11/2022	Nghị quyết ban hành quy chế kiểm toán nội bộ Công ty	100%

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban kiểm soát	27/06/2020	
2	Ông Mai Đình Đình	Kiểm soát viên	27/06/2020	
3	Ông Lê Đình Chinh	Kiểm soát viên	27/06/2020	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	27/06/2020	02	100%		
2	Ông Mai Đình Đình	Kiểm soát viên	27/06/2020	02	100%		
3	Ông Lê Đình Chính	Kiểm soát viên	27/06/2020	02	100%		

- **Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**
 - Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp 2020;
 - Kiểm soát hoạt động Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.
 - Tham gia đầy đủ và góp ý kiến trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**
 - Ban kiểm soát đã phối hợp cùng Ban Tài chính – kế toán, Ban Tổng giám đốc của Công ty tổ chức kiểm soát báo cáo tài chính, hoạt động các công ty thành viên.
- **Hoạt động khác của BKS (nếu có):** Không có

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.

a) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

ĐVT: cổ phiếu

Họ tên cổ đông	Ngày đăng ký giao dịch	Số lượng CP trước khi giao dịch	Số lượng CP Đăng ký mua	Số lượng CP mua	Số lượng CP đăng ký bán	Số Lượng CP bán	Số lượng CP sau khi giao dịch
Hoàng Anh Quân	01/06/2022	33.500			33.500	33.500	0
Lê Hoàn	21/12/2021	128.000	22.000	22.000			150.000

(Tính đến thời điểm ngày 01 tháng 08 năm 2022)

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

c) Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao/tháng	Tổng thù lao
1	Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	120.000.000
2	Nguyễn Thị Thanh	TV HĐQT	5.000.000	30.000.000
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	TV HĐQT	5.000.000	30.000.000
4	Hoàng Anh Quân	TV HĐQT	5.000.000	60.000.000
5	Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	3.000.000	36.000.000
6	Mai Đình Đình	TV BKS	2.000.000	24.000.000
7	Lê Đình Chinh	TV BKS	2.000.000	24.000.000
	Tổng			324.000.000

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Thực hiện theo đúng quy chế quản trị Công ty, điều lệ tổ chức hoạt động và quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán) bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, đã được đăng tải trên website: ybm.com.vn./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hoàng Anh Quân